

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST
Ngày: 25 – 02 – 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tiền;

Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 399/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần KL. Địa chỉ trụ sở tại: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Công Phú, sinh năm 1983, chức vụ: Tổ phó tín dụng Ngân hàng KL – Chi nhánh An Giang, Phòng giao dịch thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang theo văn ủy quyền ngày 19/6/2020 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Bà Trần Thị X, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp Chánh H, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần KL trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần KL – chi nhánh An Giang, Phòng giao dịch Châu Đốc có cho bà Trần Thị Mỹ H và bà Trần Thị X vay số tiền 100.000.000đ theo hợp đồng tín dụng kiêm đồng cầm cố số A760034/HĐTD/CC ngày 29/3/2019, mục đích vay để kinh doanh, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất 14,94%/năm (lãi gộp), lãi suất nợ quá hạn 22,41%/năm, hình thức trả là trả gốc và lãi vay định kỳ hàng ngày.

Tài sản cầm cố bảo đảm nghĩa vụ trả nợ: Xe HONDA loại SH MODE màu trắng nâu, số máy JF51E0573148, số khung 5149GY023046, biển số 67C1-602.31 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 029266 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 06/02/2019 do bà Trần Thị Mỹ H đứng tên; Xe HONDA loại VARIO, màu trắng xám - đen, số máy JM51E1132262, số khung 5113JK132277, biển số 67C1-600.20 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 269269 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 29/10/2019 do bà Trần Thị Mỹ H đứng tên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 24/4/2019 bà H, bà X có trả cho Ngân hàng được số tiền 15.508.664đ trong đó vốn gốc đã trả 14.444.444đ, lãi trong hạn đã trả 1.064.219đ. Ngân hàng yêu cầu bà H, bà X liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 112.817.986đ, trong đó tiền gốc 85.555.556đ, tiền lãi trong hạn 6.303.452đ, lãi quá hạn 20.958.978đ và yêu cầu trả lãi phát sinh từ ngày 27/5/2020 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố đến khi thanh toán dứt nợ. Tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A760034/HĐTD/CC ngày 29/3/2019 để đảm bảo thi hành án. Trường hợp bà H, bà X không trả dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc bản án có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

- Bị đơn bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị X không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút lại một phần khởi kiện là không yêu cầu duy trì hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố tài sản, không yêu cầu xem xét biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 29/3/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần KL – Phòng giao dịch Châu Đốc với bà Trần Thị Mỹ H. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng chỉ yêu cầu bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị X và liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn 85.555.556đ, lãi trong hạn 6.303.452đ, lãi quá hạn 35.404.389đ, tổng cộng là

127.263.397đ (lãi tạm tính đến ngày 25/02/2021), đồng thời yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà H, bà X vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng những quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền vốn vốn 85.555.556đ, lãi trong hạn 6.303.452đ, lãi quá hạn 35.404.389đ, tổng cộng là 127.263.397đ (tính đến ngày xét xử). Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi trả hết nợ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu duy trì hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố tài sản, không yêu cầu xem xét biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 29/3/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần KL – Phòng giao dịch Châu Đốc với bà Trần Thị Mỹ H.

- Về án phí và chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ thường trú trên địa bàn huyện CP nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CP được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà H, bà X đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng số A760034/HĐTD/CC ngày 29/3/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần KL và bà H, bà X được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, bà H, bà X có vay 100.000.000đ thời hạn vay 180 ngày, trả gốc và lãi vay định kỳ hàng ngày. Sau khi vay bà H, bà X trả vốn lãi được một phần thì ngưng đến nay, Ngân hàng đã tạo điều kiện và nhắc nhở nhiều lần nhưng bà H, bà X không có thiện chí trả nợ, nên chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H, bà X trả tiền vốn vay còn lại và tiền lãi là đúng với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Đối với số tiền vốn, trong quá trình giải quyết bị đơn đã trả cho Ngân hàng được số tiền vốn gốc 14.444.444đ (tính đến ngày 24/4/2019). Đến nay, bà H bà X còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 85.555.556đ, nên Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị Mỹ H và bà Trần Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng vốn 85.555.556đ.

[2.2] Về lãi suất: Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì Tổ chức tín dụng được thực hiện lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng vay.

Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố các bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn tại thời điểm vay 14,94%/năm (lãi gộp), lãi suất nợ quá hạn 22,41%/năm. Bà H, bà X không trả tiền vốn và lãi vay đúng hạn, Ngân hàng đã tính lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng số A760034/HĐTD/CC ngày 29/3/2019. Thỏa thuận về tiền lãi vay, lãi phạt quá hạn tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: Tiền lãi tính đến ngày 25/02/2021 là, trong đó gồm lãi trong hạn 6.303.452đ, lãi quá hạn 35.404.389đ.

Như vậy bà H, bà X có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng thương mại cổ phần KL tiền vốn vay 85.555.556đ và tiền lãi 41.707.841đ, tổng cộng là 127.263.397đ (tạm tính đến ngày 25/02/2021). Đồng thời, bà H, bà X còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A760034/HĐTD/CC ngày 29/3/2019 cho đến khi thanh toán tất nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Để đảm bảo khoản tiền vay bà H, bà X đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần KL hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A760034/HĐTD/CC ngày 29/3/2019 cho Ngân hàng các tài sản gồm: Xe HONDA loại SH MODE màu trắng nâu, số máy JF51E0573148, số khung

5149GY023046, biển số 67C1-602.31 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 029266 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 06/02/2019 do bà Trần Thị Mỹ H đứng tên; Xe HONDA loại VARIO, màu trắng xám - đen, số máy JM51E1132262, số khung 5113JK132277, biển số 67C1-600.20 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 269269 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 29/10/2019 do bà Trần Thị Mỹ H đứng tên, hợp đồng này không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Đồng thời, Ngày 29/3/2019 Ngân hàng và bà H xác lập biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản, theo đó Ngân hàng gửi lại cho bà H giữ lại 02 chiếc xe bà H đã cầm cố cho Ngân hàng, Ngân hàng chỉ giữ lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký của 02 xe đã cầm cố.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xin rút lại yêu cầu duy trì hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố tài sản, không yêu cầu xem xét biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 29/3/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần KL – Phòng giao dịch Châu Đốc với bà Trần Thị Mỹ H. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng chỉ yêu cầu bà Trần Thị Mỹ H và bà Trần Thị X và liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn 85.555.556đ, lãi trong hạn 6.303.452đ, lãi quá hạn 35.404.389đ, tổng cộng là 127.263.397đ (lãi tạm tính đến ngày 25/02/2021). Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Mỹ H, bà Nguyễn Thị X cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng thương mại cổ phần KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần KL.

Buộc bà Trần Thị Mỹ H và bà Trần Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền 127.263.397đ (Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), trong đó tiền vốn 85.555.556đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng) và tiền lãi 41.707.841đ (Bốn mươi một triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn tám trăm bốn mươi một đồng) tạm tính đến ngày 25/02/2021.

Bà H, bà X còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A760034/HĐTD/CC ngày 29/3/2019 cho đến khi thanh toán tất nợ cho Ngân hàng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL đối với yêu cầu duy trì hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố tài sản, không yêu cầu xem xét biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 29/3/2019 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần KL – Phòng giao dịch Châu Đốc với bà Trần Thị Mỹ H.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ H và bà Trần Thị X cùng phải chịu 6.363.170đ (Sáu triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn một trăm bảy mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền 2.820.000đ (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003543 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ